

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 368/2020/DS-ST
Ngày: 30-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bảo Lâm
2. Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Chí Thành – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Ngọc Liên Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 383/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 270/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 180/2020/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Thái Bang Q, sinh năm 1958 và Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957; (đều có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 137 Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Thanh K, Văn phòng Luật sư Trần Thanh K thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Ông Nguyễn Vũ Đ, sinh năm 1971; (Vắng mặt không có lý do)
Địa chỉ: Số 37/9 Bis Đường D, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong Đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 7 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, Bản luận cứ bảo vệ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp gửi đến Tòa ngày 28/9/2020, nguyên đơn là ông Thái Bang Q và bà Nguyễn Thị L trình bày: Nguyên đơn có cho bị đơn là ông Nguyễn Vũ Đ vay 2.950.000.000 đồng theo Văn bản ngày 15 tháng 10 năm 2012 được lập tại Văn Phòng công chứng B Thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn vay 2,5 tháng tính từ ngày 15/10/2012 đến hết ngày

30/12/2012, lãi suất 1%/tháng, tiền lãi trả vào ngày 15 hàng tháng, nhưng từ ngày vay tiền đến nay bị đơn không trả một đồng tiền lãi cũng như tiền vốn. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả ngay 2.950.000.000 đồng nợ gốc và 73.750.000 đồng nợ lãi trong hạn, cụ thể: 1%/tháng x 2.950.000.000 đồng x 2,5 tháng (15/10/2012 đến 30/12/2012) và 2.277.105.000 đồng tiền lãi suất quá hạn, cụ thể: 0,83%/tháng x 2.950.000.000 đồng x 93 tháng (01/01/2013 đến 30/9/2020) và trả tiền vốn và tiền lãi một lần, trả ngay khi án có hiệu lực, trả cho đến khi dứt nợ.

- Bị đơn không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập làm bản tự khai, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ ...

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên. Tuy nhiên về tính lãi quá hạn thì nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu mức lãi suất, cụ thể trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu tính lãi quá hạn là 0,83%/tháng nhưng tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu 0,75%/ tháng. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn là ông Nguyễn Vũ Đ cư trú tại số 37/9 Bis Đường D, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Kết quả xác minh ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Công an Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên, hiện không thực tế cư trú tại địa phương, đi đâu không rõ. Xét, bị đơn thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Cư trú nên địa chỉ số Đường D, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh được xác định là nơi cư trú cuối cùng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Trần Thanh K vắng mặt tại phiên tòa nhưng có gửi bản luận cứ đến Tòa án ngày 29 tháng 9 năm 2020 với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và tính lãi quá hạn là 0,75%/tháng. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b, điểm đ khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng

cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

[4] Về nội dung vụ án: Theo Văn bản ngày 15 tháng 10 năm 2012, Bị đơn có vay của Nguyên đơn 2.950.000.000 đồng, lãi suất trả hàng tháng 1%, thời hạn vay là 2,5 tháng, tính từ ngày (15/10/2012 đến ngày 30/12/2012) sẽ hoàn trả lại cho Nguyên đơn tiền lãi vào ngày 15 của tháng và tiền vốn sẽ trả hết vào ngày 30 tháng 12 năm 2012, hợp đồng vay tiền được lập tại Phòng Công chứng B, Thành phố Hồ Chí Minh; sau nhiều lần Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn trả tiền lãi và vốn thì bị đơn có viết Giấy hẹn trả toàn bộ số nợ vào ngày 11 tháng 6 năm 2013. Nhưng từ thời điểm ký hợp đồng vay tiền, Giấy hẹn trả nợ và đến ngày xét xử Bị đơn vẫn chưa trả bất cứ khoản tiền nào. Mặc dù Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như thông báo về việc Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn trả nợ nhưng Bị đơn vắng mặt, không cung cấp chứng cứ. Vì vậy có cơ sở để xác định Bị đơn có vay của Nguyên đơn 2.950.000.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 471 Bộ Luật Dân sự năm 2005.

[5] Nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả ngay 2.950.000.000 đồng nợ gốc phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

[6] Về tiền lãi, theo Văn bản ngày 15 tháng 10 năm 2012, hai bên thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng nhân với thời hạn vay 2,5 tháng (15/10/2012 đến 30/12/2012) nhân với 2.950.000.000 đồng. Còn lãi suất quá hạn nguyên đơn yêu cầu tại phiên tòa lãi suất là 0,75%/ tháng nhân với 93 tháng (01/01/2013 tạm tính đến ngày xét xử 30/9/2020) nhân với 2.950.000.000 đồng và phải trả cho đến khi dứt nợ là phù hợp qui định tại khoản 5 Điều 474 và Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 5, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Thông báo số 15/TB-HĐTP ngày 05/6/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc đính chính Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 73.152.500 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, điểm b, điểm đ khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 305, Điều 471, khoản 1, khoản 5 Điều 474, Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều

5, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Thông báo số 15/TB-HĐTP ngày 05/6/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc đình chính Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thái Bang Q và bà Nguyễn Thị L; Buộc ông Nguyễn Vũ Đ có nghĩa vụ trả ngay một lần tiền vốn và tiền lãi trong hạn và quá hạn tổng cộng 5.081.375.000 đồng cho ông Thái Bang Q và bà Nguyễn Thị L, cụ thể tính như sau: Tiền vốn gốc là 2.950.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 73.750.000 đồng (2,5 tháng nhân lãi suất 1%/tháng nhân với 2.950.000.000 đồng) và tiền lãi quá hạn là 2.057.625.000 đồng (93 tháng nhân với lãi suất 0,75%/tháng nhân với 2.950.000.000 đồng).

2/. Về án phí: Ông Thái Bang Q và bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông Thái Bang Q và bà Nguyễn Thị L 56.466.790 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số AA/2018/0038842 ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Vũ Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 113.081.375 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

Trần Văn Long

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Long